

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **261/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 24 - 11 - 2022

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Chiêu

2. Ông Trịnh Ngọc Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà
Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 24/11/2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/11/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị S, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm: 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của chị Bùi Thị S ngày 03/10/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Bùi Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Sự kết hôn do hai bên tự nguyện, có thời gian tìm hiểu 01 năm, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, mặt khác anh Sự ham chơi cờ bạc, rượu chè, đánh đập vợ con. Sau khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình phân tích khuyên giải nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Từ năm 2012 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Sự không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị không công nhận chị và anh Sự là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu S, sinh ngày 20/7/1999, cháu Nguyễn Thị Ng sinh ngày 15/9/2001. Hiện nay các cháu đang ở với chị, khỏe mạnh thường. Vợ chồng ly hôn các cháu đã trưởng thành, việc các cháu ở với ai quyền quyết định của các cháu, nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/10/2022 và quá trình giải quyết bị đơn anh Nguyễn Hữu N trình bày:

Về hôn nhân: Về quá trình kết hôn, anh công nhận ý kiến trình bày của chị S là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mỗi khi bàn bạc công việc trong gia đình, mỗi người một ý, nên dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Sau khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình phân tích khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị S làm đơn xin ly hôn, anh xác tình cảm xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận hai người là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị S có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu S, sinh ngày 20/7/1999, cháu Nguyễn Thị Ng sinh ngày 15/9/2001. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, nên anh không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 08/11/2022 tại UBND xã Đ xác nhận: Qua kiểm tra sổ sách lưu trữ về đăng ký kết hôn từ năm 1999 đến nay không có tên đăng ký kết hôn Bùi Thị S và Nguyễn Hữu N. Chị S và anh SỰ không có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ.

Tại phiên tòa: Chị S có mặt, anh SỰ vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị S vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và công nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung: Căn cứ Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b, Điều 3 Nghị quyết 35/QH khóa X ngày 09/6/2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 23/12/2000; Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1

Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Về Hôn nhân: Không công nhận chị Bùi Thị S và anh Nguyễn Hữu N là vợ chồng; Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng:

1.1. *Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án:* Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị S và anh S là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. *Về sự vắng mặt của bị đơn:*

Tại phiên tòa anh S vắng mặt, anh S có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh S là đúng quy định của pháp luật.

{2} Về nội dung:

2.1 *Về Hôn nhân:* Chị S và anh S xây dựng hạnh phúc gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự, có tổ chức cưới hỏi, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trên thực tế hai bên là vợ chồng, nhưng theo luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh S chưa được pháp luật công nhận.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mỗi khi bàn bạc công việc trong gia đình không đi đến thống nhất. Từ nguyên nhân trên dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Hội đồng xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, kéo dài. Tình cảm hai bên không còn, thời gian ly thân đã 10 năm. Nếu hôn nhân hợp pháp, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân – Gia đình năm 2014 thì cho hai bên ly hôn là phù hợp. Tuy nhiên, chị S và anh S không có đăng ký kết hôn, do vậy căn cứ khoản 1 điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH khóa X và Nghị quyết 02/2000 ngày 23/12/2000 của HĐTP - TANDTC tuyên bố không công nhận chị S và anh S là vợ chồng.

2.2. *Về con chung:* Chị S và anh S có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu S, sinh ngày 20/7/1999, cháu Nguyễn Thị Ng sinh ngày 15/9/2001. Hiện nay cháu S và cháu Ng đã đủ tuổi trưởng thành, nên chị S và anh S không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

2.3. *Về tài sản và công nợ chung*: Chị S và anh SỰ trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

2.4. *Về án phí*: Chị S khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, Điều 3 Nghị quyết 35/QH khóa X ngày 09/6/2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 23/12/2000; Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Bùi Thị S và anh Nguyễn Hữu N là vợ chồng.

Về con chung: Các con của chị S và anh SỰ đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị S và anh SỰ không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị S phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn*) mà chị S đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2021/0003611 ngày 05/10/2022. Chấp nhận chị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị S trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh SỰ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS huyện Yên Định;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng